

PHỤ LỤC II

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THÁNG 10 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-PVHCC ngày tháng 11 năm 2023 của Trung tâm Phục vụ hành chính công)

STT	TÊN CƠ QUAN	Bộ phận Một cửa (BPMC)	TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ					TÌNH HÌNH TRẢ KẾT QUẢ VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ										SỬ DỤNG DỊCH VỤ BCCI		
			Tổng số HSTN trong kỳ	Trong đó				Tổng số HS phải giải quyết	HS kỳ trước chuyển qua	Tổng số HS đã GQ & TKQ	Trong đó						Tổng số hồ sơ	Trong đó		Đạt %
				HSTN trực tiếp	Đạt %	HSTN trực tuyến	Đạt %				TKQ trước hạn	Đạt %	TKQ đúng hạn	Đạt %	Hồ sơ trễ hạn	Đạt %		Tiếp nhận	Trả kết quả	
1	Huyện Yên Mô	Cấp huyện	256	0	0	256	100	302	46	225	222	98,67	3	1,33	0	0	179	0	179	59,27
		Cấp xã (17 đơn vị)	3.225	43	1,33	3.182	98,67	3.289	64	3.121	999	32,01	2.122	67,99	0	0	15	0	15	0,46
2	Thành phố Ninh Bình	Cấp huyện	495	180	36,36	315	63,64	568	73	423	411	97,16	12	2,84	0	0	18	0	18	3,17
		Cấp xã (14 đơn vị)	4.397	38	0,86	4.359	99,14	4.533	136	4.293	526	12,25	3.767	87,75	0	0	0	0	0	0
3	Thành phố Tam Điệp	Cấp huyện	317	179	56,47	138	43,53	399	82	277	277	100	0	0	0	0	106	0	106	26,57
		Cấp xã (9 đơn vị)	1.335	20	1,5	1.315	98,5	1.363	28	1.326	349	26,32	977	73,68	0	0	67	1	66	4,92
4	Huyện Gia Viễn	Cấp huyện	126	19	15,08	107	84,92	129	3	105	105	100	0	0	0	0	9	0	9	6,98
		Cấp xã (21 đơn vị)	3.513	101	2,88	3.412	97,12	3.756	243	3.430	1.159	33,79	2.271	66,21	0	0	65	26	39	1,73
5	Huyện Nho Quan	Cấp huyện	174	70	40,23	104	59,77	237	63	61	61	100	0	0	0	0	3	0	3	1,27
		Cấp xã (27 đơn vị)	3.168	645	20,4	2.523	79,6	3.206	38	3.101	1.714	55,27	1.387	44,7	0	0	1	1	0	0,03
6	Huyện Kim Sơn	Cấp huyện	308	207	67,21	101	32,79	357	49	230	226	98,26	4	1,74	0	0	112	103	9	31,4
		Cấp xã (25 đơn vị)	2.328	83	3,57	2.245	96,43	2.369	41	2.278	2.168	95,17	110	4,83	0	0	435	26	409	18,36
7	Huyện Hoa Lư	Cấp huyện	102	2	1,96	100	98,04	114	12	100	100	100	0	0	0	0	48	0	48	42,11
		Cấp xã (11 đơn vị)	1.029	3	0,29	1.026	99,71	1.050	21	1.025	515	50,24	510	49,76	0	0	0	0	0	0
8	Huyện Yên Khánh	Cấp huyện	119	12	10,08	107	89,92	125	6	148	146	98,65	2	1,35	0	0	1	0	1	0,80
		Cấp xã (19 đơn vị)	3.776	220	5,83	3.556	94,17	4.028	252	3.652	1.293	35,41	2.358	64,57	1	0,03	416	201	215	10,33
TỔNG CỘNG			24.668	1.822	7,39	22.846	92,61	25.825	1.157	23.795	10.271	43,16	13.523	56,83	1	0,00	1.475	358	1.117	5,71